

Số: 3636 /QĐ-UBND

Hạ Long, ngày 17 tháng 11 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2.000
Khu du lịch và giải trí quốc tế Tuần Châu, thành phố Hạ Long

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003.

Căn cứ Luật Đất đai, Luật Xây dựng và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn.

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003; Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng đô thị; Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07/4/2008 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Khu du lịch và giải trí quốc tế Tuần Châu tại phường Tuần Châu, thành phố Hạ Long đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 800/QĐ-UB ngày 25/3/2009;

Căn cứ văn bản số 1376/UBND-QH1 ngày 29/4/2009 của UBND tỉnh “V/v điều chỉnh cục bộ lô đất DV-03 và DV-04 tại Bản đồ điều chỉnh Quy hoạch chi tiết sử dụng đất tỷ lệ 1/2.000 Khu du lịch và giải trí quốc tế Tuần Châu”;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 591/SXD-QH ngày 12/11/2009; hồ sơ đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2.000 đã được UBND thành phố Hạ Long thỏa thuận, Sở Xây dựng thẩm định, trình.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Khu du lịch và giải trí quốc tế Tuần Châu, thành phố Hạ Long (kèm theo Bản đồ Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2.000) với các nội dung chính như sau:

1. Phạm vi ranh giới: Khu đất lập quy hoạch gồm toàn bộ đảo Tuần Châu và mở rộng một phần về phía Đông Bắc, Đông Nam, thuộc phường Tuần Châu, thành phố Hạ Long; có các giới hạn như sau:

- Phía Đông, phía Tây và phía Nam giáp biển.
- Phía Bắc giáp biển và tuyến đường nối ra Quốc lộ 18A.

2. Tính chất: Đầu tư xây dựng đảo Tuần Châu thành Trung tâm du lịch và giải trí mang tầm cỡ quốc gia và quốc tế; trung tâm dân cư phường Tuần Châu là một bộ phận đô thị, du lịch của thành phố Hạ Long.

3. Nội dung điều chỉnh quy hoạch:

3.1. Cơ cấu sử dụng đất:

- Tổng diện tích nghiên cứu: 7.057.939 m² (705,79 ha).

- Các hạng mục điều chỉnh quy hoạch:

STT	Công trình	Chi chú
1	Trung tâm dịch vụ và thương mại	Giữ nguyên vị trí, tăng diện tích
2	Công viên cây xanh	Thay đổi, tăng diện tích
3	Trường Đại học	Giảm diện tích
4	Trung tâm dịch vụ - hướng dẫn du lịch	Giữ nguyên
5	Bãi tắm	Thay đổi, bổ sung thêm 2 khu
6	Khu biệt thự ven biển số 1	Thay đổi, tăng diện tích
7	Khu biệt thự ven biển số 2	Thay đổi, tăng diện tích
8	Khu khách sạn 5 sao số 1	Giữ nguyên theo QĐ số 800/QĐ-UBND
9	Khu Resort Tuần Châu	Giữ nguyên, Quy hoạch đã xây dựng
10	Khu khách sạn vườn đồi Tuần Châu	Giữ nguyên, Quy hoạch đã xây dựng
11	Khu Văn phòng Công ty Âu Lạc	Giữ nguyên theo QĐ số 800/QĐ-UBND
12	Câu lạc bộ cá heo, hải cầu, sư tử biển	Giữ nguyên, Quy hoạch đã xây dựng
13	Khu ẩm thực	Giữ nguyên, Quy hoạch đã xây dựng
14	Khu biểu diễn thực cảnh	Bổ sung thêm trong Khu du lịch
15	Cung nhạc nước	Giữ nguyên, Quy hoạch đã xây dựng
16	Đồi thông	Hiện trạng
17	Trạm viễn thông	Giữ nguyên, Quy hoạch đã xây dựng
18	Thủy cung	Thay đổi vị trí
19	Hồ bơi	Giữ nguyên, Quy hoạch đã xây dựng
20	Khu vui chơi giải trí trên biển	Giữ nguyên, Quy hoạch đã xây dựng
21	Khu bán hàng Lưu niệm, vui chơi trong nhà	Giữ nguyên, Quy hoạch đã xây dựng
22	Văn phòng - Trung tâm hội nghị	Giữ nguyên, Quy hoạch đã xây dựng
23	Hồ nuôi cá	Giữ nguyên, Quy hoạch đã xây dựng
24	Câu lạc bộ cá sấu	Giữ nguyên, Quy hoạch đã xây dựng
25	Cổng đón vào khu du lịch	Giữ nguyên, Quy hoạch đã xây dựng
26	Bãi xe	Giữ nguyên, Quy hoạch đã xây dựng
27	Khu căn hộ cao cấp	Điều chỉnh theo văn bản số 1376/UBND-QH1 ngày 29/4/2009 của UBND tỉnh
28	Khu phố đi bộ mua sắm	Điều chỉnh theo văn bản số 1376/UBND-QH1 ngày 29/4/2009 của UBND tỉnh
29	Nhà ga cảng tàu du lịch	Giữ nguyên theo QĐ số 800/QĐ-UBND
30	Bến tàu du lịch	Giữ nguyên theo QĐ số 800/QĐ-UBND
31	Khách sạn 5 sao số 2	Bổ sung mới
32	Khu biệt thự ven biển số 2	Thay đổi diện tích
33	Trung tâm dịch vụ cảng tàu	Bổ sung mới
34	Khách sạn năm sao số 3	Bổ sung mới
35	Bến phà Tuần Châu - Cát Bà	Giữ nguyên theo QĐ số 800/QĐ-UBND

36	Câu lạc bộ du thuyền	Giữ nguyên theo QĐ số 800/QĐ-UBND
37	Bến du thuyền	Giữ nguyên theo QĐ số 800/QĐ-UBND
38	Khu biệt thự ven biển số 4	Giữ nguyên theo QĐ số 800/QĐ-UBND
39	Trung tâm dịch vụ khu biệt thự	Giữ nguyên theo QĐ số 800/QĐ-UBND
40	Khu biệt thự Long Châu	Giữ nguyên theo QĐ số 800/QĐ-UBND
41	Khu biệt thự số 5	Thay đổi cho phù hợp với hiện trạng
42	Trung tâm văn hoá	Giữ nguyên theo QĐ số 800/QĐ-UBND
43	Trung tâm thương mại - mua sắm	Giữ nguyên theo QĐ số 800/QĐ-UBND
44	Hồ nước ngọt	Thay đổi, tăng diện tích
45	Khách sạn 5 sao số 4	Giữ nguyên vị trí, tăng diện tích
46	Sân golf 18 lỗ	Thay đổi vị trí, tăng diện tích
47	Câu lạc bộ Golf	Thay đổi vị trí, tăng diện tích
48	Khu biệt thự số 6	Thay đổi vị trí
49	Khu biệt thự số 7	Thay đổi vị trí
50	Khu biệt thự số 8	Giữ nguyên, Quy hoạch đã xây dựng
51	Khu biệt thự đã quy hoạch	Giữ nguyên, Quy hoạch đã xây dựng
52	Khu biệt thự Hồng châu (Lô Y điều chỉnh)	Giữ nguyên, Quy hoạch đã xây dựng
53	Khu nhà nghỉ Ngọc Châu	Hiện trạng
54	Khu Quốc phòng	Hiện trạng

- Cơ cấu sử dụng đất toàn khu:

STT	Cơ cấu sử dụng đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất ở	948.166	13,43
2	Đất du lịch - dịch vụ	599.260	8,49
3	Đất công cộng	166.984	2,37
4	Đất cơ quan	36.415	0,52
5	Đất trường học	158.422	2,24
6	Đất di tích	40.916	0,58
7	Đất quốc phòng	93.288	1,32
8	Đất hạ tầng - kỹ thuật	24.506	0,35
9	Đất giao thông	705.975	10,00
10	Đất cây xanh	395.737	5,61
11	Đất bến bãi	46.505	0,66
12	Đất sân golf	840.591	11,91
13	Bãi tắm	159.292	2,26
14	Mặt nước	1.470.330	20,83
15	Đất đã quy hoạch	248.785	3,52
16	Đất dân cư hiện trạng	1.122.767	15,91
	Tổng cộng	7.057.939	100,00

- Bảng Danh mục sử dụng đất ở (Không tính đất ở dân cư hiện trạng):

STT	Ký hiệu	Mục đích sử dụng	Diện tích (m ²)	Tầng cao (tầng)	Mật độ xây dựng (%)	Hệ số SĐĐ (lần)
1	Đất ở		948.166			
2	NO 01	Đất ở	2.791	3	60,0	1,8
3	NO 02	Đất ở	2.791	3	60,0	1,8
4	NO 03	Đất ở	2.791	3	60,0	1,8
5	NO 04	Đất ở	5.998	3	60,0	1,8
6	NO 05	Đất ở	5.541	3	60,0	1,8
7	NO 06	Đất ở	1.983	3	60,0	1,8
8	NO 07	Đất ở	4.627	3	60,0	1,8
9	NO 08	Đất ở	1.983	3	60,0	1,8
10	NO 09	Đất ở	8.351	3	60,0	1,8
11	NO 10	Đất ở	2.935	3	60,0	1,8
12	NO 11	Đất ở	3.061	3	60,0	1,8
13	NO 12	Đất ở	3.051	3	60,0	1,8
14	NO 13	Đất ở	6.282	3	60,0	1,8
15	NO 14	Đất ở	1.555	3	60,0	1,8
16	NO 15	Đất ở	6.704	3	60,0	1,8
17	NO 16	Đất ở	7.721	3	60,0	1,8
18	NO 17	Đất ở	6.716	3	60,0	1,8
19	NO 18	Đất ở	1.480	3	60,0	1,8
20	NO 19	Đất ở	1.480	3	60,0	1,8
21	NO 20	Đất ở	1.980	3	60,0	1,8
22	NO 21	Đất ở	1.980	3	60,0	1,8
23	NO 22	Đất ở	1.980	3	60,0	1,8
24	NO 23	Đất ở	1.980	3	60,0	1,8
25	NO 24	Đất ở	1.480	3	60,0	1,8
26	NO 25	Đất ở	1.480	3	60,0	1,8
27	NO 26	Đất ở	7.791	3	60,0	1,8
28	NO 27	Đất ở	5.268	3	60,0	1,8
29	NO 28	Đất ở	2.691	3	60,0	1,8
30	NO 29	Đất ở	2.691	3	60,0	1,8
31	NO 30	Đất ở	14.184	3	60,0	1,8
32	NO 31	Đất ở	4.518	3	60,0	1,8
33	NO 32	Đất ở	3.383	3	60,0	1,8
34	NO 33	Đất ở	2.501	3	60,0	1,8
35	NO 34	Đất ở	2.264	3	60,0	1,8
36	NO 35	Đất ở	4.506	3	60,0	1,8
37	NO 36	Đất ở	4.081	3	60,0	1,8
38	NO 37	Đất ở	3.662	3	60,0	1,8

39	NO 38	Đất ở	3.337	3	60,0	1,8
40	NO 39	Đất ở	4.244	3	60,0	1,8
41	NO 40	Đất ở	2.519	3	60,0	1,8
42	NO 41	Đất ở	4.351	3	60,0	1,8
43	NO 42	Đất ở	4.227	3	60,0	1,8
44	NO 43	Đất ở	6.297	3	60,0	1,8
45	NO 44	Đất ở	5.913	3	60,0	1,8
46	NO 45	Đất ở	1.880	3	60,0	1,8
47	NO 46	Đất ở	3.156	3	60,0	1,8
48	NO 47	Đất ở	4.210	3	60,0	1,8
49	NO 48	Đất ở	7.614	3	60,0	1,8
50	NO 49	Đất ở	6.096	3	60,0	1,8
51	NO 50	Đất ở	7.224	3	60,0	1,8
52	NO 51	Đất ở	6.397	3	60,0	1,8
53	NO 52	Đất ở	4.657	3	60,0	1,8
54	NO 53	Đất ở	8.262	3	60,0	1,8
55	NO 54	Đất ở	6.157	3	60,0	1,8
56	NO 55	Đất ở	5.117	3	60,0	1,8
57	NO 56	Đất ở	4.897	3	60,0	1,8
58	NO 57	Đất ở	3.881	3	60,0	1,8
59	NO 58	Đất ở	5.478	3	60,0	1,8
60	NO 59	Đất ở	6.981	3	60,0	1,8
61	NO 60	Đất ở	5.028	3	60,0	1,8
62	NO 61	Đất ở	9.736	3	60,0	1,8
63	NO 62	Đất ở	7.177	3	60,0	1,8
64	NO 63	Đất ở	6.450	3	60,0	1,8
65	NO 64	Đất ở	5.271	3	60,0	1,8
66	NO 65	Đất ở	3.701	3	60,0	1,8
67	NO 66	Đất ở	5.014	3	60,0	1,8
68	NO 67	Đất ở	6.873	3	60,0	1,8
69	NO 68	Đất ở	14.648	3	60,0	1,8
70	NO 69	Đất ở	3.137	3	60,0	1,8
71	NO 70	Đất ở	6.332	3	60,0	1,8
72	NO 71	Đất ở	6.346	3	60,0	1,8
73	NO 72	Đất ở	9.801	3	60,0	1,8
74	NO 73	Đất ở	5.219	3	60,0	1,8
75	NO 74	Đất ở	6.170	3	60,0	1,8
76	NO 75	Đất ở	5.366	3	60,0	1,8
77	NO 76	Đất ở	4.121	3	60,0	1,8
78	NO 77	Đất ở	4.651	3	60,0	1,8
79	NO 78	Đất ở	5.201	3	60,0	1,8
80	NO 79	Đất ở	6.540	3	60,0	1,8

81	NO 80	Đất ở	7.287	3	60,0	1,8
82	NO 81	Đất ở	4.615	3	60,0	1,8
83	NO 82	Đất ở	6.024	3	60,0	1,8
84	NO 83	Đất ở	7.577	3	60,0	1,8
85	NO 84	Đất ở	4.181	3	60,0	1,8
86	NO 85	Đất ở	5.292	3	60,0	1,8
87	NO 86	Đất ở	6.607	3	60,0	1,8
88	NO 87	Đất ở	6.914	3	60,0	1,8
89	NO 88	Đất ở	6.873	3	60,0	1,8
90	NO 89	Đất ở	5.014	3	60,0	1,8
91	NO 90	Đất ở	3.834	3	60,0	1,8
92	NO 91	Đất ở	8.757	3	60,0	1,8
93	NO 92	Đất ở	8.772	3	60,0	1,8
94	NO 93	Đất ở	7.565	3	60,0	1,8
95	NO 94	Đất ở	7.416	3	60,0	1,8
96	NO 95	Đất ở	2.089	3	60,0	1,8
97	NO 96	Đất ở	3.156	3	60,0	1,8
98	NO 97	Đất ở	4.996	3	60,0	1,8
99	NO 98	Đất ở	4.090	3	60,0	1,8
100	NO 99	Đất ở	2.147	3	60,0	1,8
101	NO 100	Đất ở	4.097	3	60,0	1,8
102	NO 101	Đất ở	4.541	3	60,0	1,8
103	NO 102	Đất ở	2.397	3	60,0	1,8
104	NO 103	Đất ở	3.356	3	60,0	1,8
105	NO 104	Đất ở	5.474	3	60,0	1,8
106	NO 105	Đất ở	6.700	3	60,0	1,8
107	NO 106	Đất ở	8.541	3	60,0	1,8
108	NO 107	Đất ở	7.242	3	60,0	1,8
109	NO 108	Đất ở	7.973	3	60,0	1,8
110	NO 109	Đất ở	8.311	3	60,0	1,8
111	NO 110	Đất ở	12.742	3	60,0	1,8
112	NO 111	Đất ở	8.094	3	60,0	1,8
113	NO 112	Đất ở	5.016	3	60,0	1,8
114	NO 113	Đất ở	8.495	3	60,0	1,8
115	NO 114	Đất ở	10.179	3	60,0	1,8
116	NO 115	Đất ở	13.132	3	60,0	1,8
117	NO 116	Đất ở	18.156	3	60,0	1,8
118	NO 117	Đất ở	33.230	3	60,0	1,8
119	NO 118	Đất ở	3.513	3	60,0	1,8
120	NO 119	Đất ở	3.513	3	60,0	1,8
121	NO 120	Đất ở	3.719	3	60,0	1,8
122	NO 121	Đất ở	10.757	3	60,0	1,8

123	NO 122	Đất ở	4.063	3	60,0	1,8
124	NO 123	Đất ở	3.077	3	60,0	1,8
125	NO 124	Đất ở	3.482	3	60,0	1,8
126	NO 125	Đất ở	3.027	3	60,0	1,8
127	NO 126	Đất ở	2.391	3	60,0	1,8
128	NO 127	Đất ở	3.694	3	60,0	1,8
129	NO 128	Đất ở	1.389	3	60,0	1,8
130	NO 129	Đất ở	5.462	3	60,0	1,8
131	NO 130	Đất ở	5.053	3	60,0	1,8
132	NO 131	Đất ở	5.462	3	60,0	1,8
133	NO 132	Đất ở	5.053	3	60,0	1,8
134	NO 133	Đất ở	4.188	3	60,0	1,8
135	NO 134	Đất ở	3.840	3	60,0	1,8
136	NO 135	Đất ở	5.496	3	60,0	1,8
137	NO 136	Đất ở	4.294	3	60,0	1,8
138	NO 137	Đất ở	40.504	3	60,0	1,8
139	NO 138	Đất ở	112.397	3	60,0	1,8
140	NO 139	Đất ở	24.134	3	60,0	1,8
141	NO 140	Đất ở	11.285	22	65,0	14,3
142	NO 141	Đất ở	972	4	100,0	4
143	NO 142	Đất ở	2.088	4	100,0	4
144	NO 143	Đất ở	3.273	4	100,0	4
145	NO 144	Đất ở	2.610	4	100,0	4
146	NO 145	Đất ở	2.610	4	100,0	4

- Bảng danh mục sử dụng đất dịch vụ - du lịch, công cộng, cơ quan:

STT	Ký hiệu	Mục đích sử dụng	Diện tích	Tầng cao	Mật độ xây dựng (%)	Hệ số sử dụng đất
I	Đất dịch vụ - du lịch		599.260			
1	DL-01	Đất dịch vụ du lịch	28.473	30	25,0	7,5
2	DL-02	Đất dịch vụ du lịch	70.361	4	25,0	1,0
3	DL-03	Đất dịch vụ du lịch	60.533	4	25,0	1,0
4	DL-04	Đất dịch vụ du lịch	320.139	3	10,0	0,3
5	DL-05	Đất dịch vụ du lịch	24.614	30	25,0	7,5
6	DL-06	Đất dịch vụ du lịch	5.782	1	25,0	0,25
7	DL-07	Đất dịch vụ du lịch	21.968	30	25,0	7,5
8	DL-08	Đất dịch vụ du lịch	67.390	30	20,0	6,0
II	Đất công cộng		166.984			
1	CC-01	Đất công cộng	22.360	3	40,0	1,2
2	CC-02	Đất công cộng	43.384	3	40,0	1,2
3	CC-03	Đất công cộng	10.938	3	60,0	1,8
4	CC-04	Đất công cộng	3.980	5	60,0	3,0

5	CC-05	Đất công cộng	1.706	5	60,0	3,0
6	CC-06	Đất công cộng	3.980	5	60,0	3,0
7	CC-07	Đất công cộng	1.706	5	60,0	3,0
8	CC-08	Đất công cộng	1.848	3	60,0	1,8
9	CC-09	Đất công cộng	1.890	3	60,0	1,8
10	CC-10	Đất công cộng	5.482	3	60,0	1,8
11	CC-11	Đất công cộng	31.156	5	60,0	3
12	CC-12	Đất công cộng	8.431	5	70,0	3,5
13	CC-13	Đất công cộng	3.227	5	80,0	4,0
14	CC-14	Đất công cộng	1.515	3	60,0	1,8
15	CC-15	Đất công cộng	14.081	3	40,0	1,2
16	CC-16	Đất công cộng	11.300	5	60,0	3,0
III	Đất cơ quan		36.415	3	60,0%	1,8
1	CQ-01	Đất cơ quan	35.411	60	40,0	24
2	CQ-02	Đất cơ quan	1.004			

3.3. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

a) Chuẩn bị kỹ thuật:

- Khu trên đồi được thiết kế dựa trên nguyên tắc tôn trọng địa hình tự nhiên không phá vỡ cảnh quan, chỉ san gạt cục bộ.

- Khu vực đất đắp lấp biển đảm bảo nguyên tắc cao độ nền sau khi tôn tạo cao hơn mực nước biển cao nhất tại khu vực 0,5m.

Yêu cầu khi triển khai các dự án thành phần phải đảm bảo khớp nối với các dự án đã triển khai.

b) Giao thông: Tuyến giao thông chính của đảo là tuyến đường xuyên đảo đã được UBND tỉnh phê duyệt với lộ giới 20,5m, các tuyến giao thông hiện hữu được cập nhật. Bổ sung thay đổi một số tuyến giao thông phù hợp với quy hoạch điều chỉnh trình duyệt (theo bản đồ quy hoạch giao thông QH05); cụ thể như sau:

- Cải tạo mở rộng tuyến đường giao thông xuyên đảo: Tuyến đường giao thông xuyên đảo đã được UBND tỉnh phê duyệt sẽ là tuyến giao thông huyết mạch nối liền các khu chức năng với quy mô: $(5,0+10,5+5,0)=20,5\text{m}$; chiều dài trong khu vực nghiên cứu 5.806m.

- Xây mới tuyến đường chính: Quy hoạch tuyến mới từ đường sang đảo về hướng Bắc qua các khu biệt thự phía Bắc đảo, sân golf, khu Long Châu nối với tuyến giao thông xuyên đảo thành 1 mạch giao thông chính khép kín với mặt cắt $(5,0+10,5+5,0)=20,5\text{m}$; chiều dài qua khu vực nghiên cứu 5.060 m.

- Đường khu vực: Các tuyến đường chính khu vực đảm bảo giao thông đi lại hợp lý giữa các khu chức năng, có quy mô như sau:

+ Tuyến đường có chỉ giới đường đỏ 13,5m; chiều dài 3.079m.

+ Tuyến đường mặt cắt $(3,0+7,5+3,0)=17,5\text{m}$; chiều dài 7.471m.

- Đường nội bộ:

+ Tuyến đường mặt cắt $(2,0+6,0+2,0)=10,0\text{m}$; tổng chiều dài 3.467m.

+ Tuyến đường mặt cắt $(3,0+5,5+3,0)=11,5\text{m}$; tổng chiều dài 4.263m.

+ Tuyến đường có mặt cắt $(4,0+5,5+4,0)=13,5\text{m}$; tổng chiều dài 376m.

c) Cấp nước: Nguồn cấp từ đường ống D300 hiện có dẫn nước từ mạng cấp nước của thành phố về đảo.

d) Cấp điện: Nguồn cấp điện cho dự án được lấy từ trạm điện đã xây dựng; cấp điện chiếu sáng sinh hoạt và chiếu sáng công cộng đi ngầm.

e) Thoát nước:

- Nước mưa: Hệ thống thoát nước mưa được bố trí dọc theo các trục giao thông bằng các hệ thống mương xây gạch, mương bê tông cốt thép và hố thu sau đó thoát ra biển.

+ Nước sinh hoạt: Được thu gom bằng hệ thống mạng lưới đường ống bê tông cốt thép thông qua các trạm trung chuyển dẫn tới nhà máy xử lý nước thải đặt tại phía Tây Bắc đảo.

Quyết định này phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Khu du lịch và giải trí quốc tế Tuần Châu, thành phố Hạ Long và thay thế Quy hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 800/QĐ-UB ngày 25/3/2009.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Chủ đầu tư: Triển khai các bước tiếp theo của dự án theo quy định (công bố công khai điều chỉnh quy hoạch được duyệt; hoàn thiện các hồ sơ thiết kế, dự án, đất đai, đánh giá tác động môi trường; lưu trữ hồ sơ; hoàn thiện quy hoạch hạ tầng kỹ thuật, Thiết kế đô thị theo quy định; triển khai lập Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 các khu chức năng; xây dựng hạ tầng kỹ thuật, công trình theo quy hoạch và thiết kế được duyệt); thực hiện các nghĩa vụ tài chính về đất đai đảm bảo các quy định hiện hành.

- Ủy ban Nhân dân thành phố Hạ Long phối hợp với Chủ đầu tư giải phóng mặt bằng; công bố công khai quy hoạch; quản lý giám sát việc xây dựng công trình theo quy hoạch được duyệt; đình chỉ xây dựng, xử phạt hành chính, cưỡng chế phá dỡ những công trình xây dựng trái phép, xây dựng sai phép, xây dựng không tuân theo quy hoạch được duyệt theo quy định;

- Sở Xây dựng: Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước theo quy định; hướng dẫn và đôn đốc Chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ hạ tầng kỹ thuật, Thiết kế đô thị theo quy định; đóng dấu vào hồ sơ đồ án (gồm Thuyết minh tổng hợp và các bản vẽ) theo quy định tại phần I, Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07/4/2008 của Bộ Xây dựng để làm cơ sở quản lý, đấu nối hạ tầng với các dự án.

- Sở Tài Chính: Trên cơ sở quy hoạch được duyệt tham mưu, đề xuất về việc Chủ đầu tư thực hiện các nghĩa vụ tài chính với tỉnh khi điều chỉnh quy hoạch theo quy định và đôn đốc Chủ đầu tư thực hiện nghĩa vụ tài chính với tỉnh.

Điều 3. Các Ông (Bà): Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài Chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hạ Long; Giám đốc Công ty TNHH Âu Lạc Quảng Ninh; Giám đốc Công ty cổ phần T&H Hạ Long; Thủ trưởng các ngành và đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./. *g*

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh (B/c);
- Như điều 3 (thực hiện);
- V0, V2, QH1-2, QLĐĐ2, XD1, TM1-2, TH1;
- Lưu: VT, QH1.
- Trung tâm Thông tin;
25 bản-QĐ11-20

TM. UBND TỈNH QUẢNG NINH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]
Đỗ Thông